

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**Bổ sung, điều chỉnh dự toán thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của HĐND huyện Tân Uyên)*

***ĐVT: 1.000 đồng***

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>12.600.555</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>	<b>964.000</b>	
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>964.000</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn sự nghiệp</b>	<b>964.000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Dự án 06 - Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)</b>	<b>964.000</b>	
<b>a</b>	Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	874.000	Tổng số 13 đội
	<i>Đội văn nghệ bản Hô Be, thị trấn Tân Uyên</i>	71.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho Thị trấn Tân Uyên: Trong đó Đội văn nghệ bản Chạm Cà đã được bố trí năm 2022 là 19 triệu đồng</i>
	<i>Đội văn nghệ bản Nà Nọi, thị trấn Tân Uyên</i>	71.000	
	<i>Đội văn nghệ bản Chạm Cà, thị trấn Tân Uyên</i>	52.000	
	<i>Đội văn nghệ bản Thào, xã Hố Mít</i>	70.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho xã Hố Mít. Trong đó Đội văn nghệ bản Mít Nọi đã được bố trí năm 2022 là 20 triệu đồng</i>
	<i>Đội văn nghệ bản Mít Nọi, xã Hố Mít</i>	50.000	
	<i>Đội văn nghệ bản Hô Tra, xã Mường Khoa</i>	70.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho xã Mường Khoa</i>
	<i>Đội văn nghệ bản Pá Ngùa, xã Trung Đồng</i>	70.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho xã Trung Đồng</i>
	<i>Đội văn nghệ bản Hua Cản, xã Nậm Cản (Điểm Dưới)</i>	70.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho xã Nậm Cản</i>
	<i>Đội văn nghệ bản Hua Cản, xã Nậm Cản (Điểm Hố Tra Nọi)</i>	70.000	
	<i>Đội văn nghệ bản Ngam Ca, xã Nậm Sỏ</i>	70.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho xã Nậm Sỏ</i>
	<i>Đội văn nghệ bản Tho Ló, xã Nậm Sỏ</i>	70.000	
	<i>Đội văn nghệ bản Hua Ít, xã Nậm Sỏ</i>	70.000	
	<i>Đội văn nghệ Nậm Khăn, xã Tà Mít</i>	70.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho xã Tà Mít</i>
<b>b</b>	Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi	90.000	
	<i>Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa bản Hô Be, thị trấn Tân Uyên</i>	30.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho Thị trấn Tân Uyên</i>
	<i>Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa bản Khâu Hóm, xã Nậm Sỏ</i>	30.000	<i>Bổ sung mục tiêu cho xã Nậm Sỏ</i>
	<i>Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa bản Hua Ít, xã Nậm Sỏ</i>	30.000	
<b>2</b>	<b>Vốn đầu tư</b>	-	
<b>2.1</b>	<b>Dự án 06 - Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	-	
	- Điều chỉnh tăng	186.000	Điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn chi tiết theo PL 01.1
	- Điều chỉnh giảm	(186.000)	
<b>B</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TRONG NĂM</b>	<b>5.056.000</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022 -2025 năm 2023 (theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022)</b>	<b>2.127.000</b>	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Trường Tiểu học xã Thân Thuộc	270.200	
2	Trường Tiểu học xã Trung Đồng	67.000	
3	Trường Tiểu học xã Pắc Ta	394.000	
4	Trường PTDTBT Tiểu học xã Hồ Mít	462.400	
5	Trường Tiểu học xã Phúc Khoa	131.700	
6	Trường Tiểu học xã Mường Khoa	270.200	
7	Trường Tiểu học xã Nậm Cắn	133.000	
8	Trường Tiểu học xã Nậm Sỏ	266.500	
9	Trường TH & THCS xã Tà Mít	132.000	
<b>II</b>	<b>Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo các nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023</b>	<b>999.000</b>	<b>Giao dự toán cho Phòng Tài nguyên và Môi trường</b>
<b>III</b>	<b>Kinh phí kỉ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh</b>	<b>200.000</b>	Kế hoạch số 06/KH-BTC ngày 10/5/2023 của Ban Tổ chức kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh
1	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông	200.000	
<b>IV</b>	<b>Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ (bổ sung đợt 2/2023)</b>	<b>480.000</b>	<b>Nguồn CCTL của tỉnh còn dư năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023</b>
<b>1</b>	<b>Trường Mầm non xã Thân Thuộc</b>	<b>168.755</b>	
	Nguyễn Thị Kim Liên - Giáo viên	168.755	Nghị từ 01/07/2023 theo Quyết định 803/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
<b>2</b>	<b>Trường Tiểu học xã Phúc Khoa</b>	<b>146.452</b>	
	Đặng Thị Thơm - Giáo viên	146.452	Nghị từ 01/12/2023 theo Quyết định 804/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
<b>3</b>	<b>Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp</b>	<b>163.511</b>	
	Nguyễn Văn Vinh - Viên chức	163.511	Nghị từ 01/10/2023 theo Quyết định 802/QĐ-UBND ngày 13/6/2023
<b>4</b>	<b>Dư ngân sách huyện</b>	<b>1.282</b>	
<b>V</b>	<b>Vốn đầu tư thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu từ nguồn thu sử dụng đất năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023</b>	<b>1.250.000</b>	Phân bổ theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt Đề án xây dựng NTM gắn mới du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025
1	Sửa chữa, nâng cấp đường vùng chè Nà Lại - Nà Khoang	1.000.000	Bổ sung mục tiêu cho xã Phúc Khoa
2	Đường vùng chè SX bản Phúc Khoa - Nậm Bon	250.000	
<b>C</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023</b>	<b>5.127.631</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>1.924.000</b>	Chi tiết theo PL 01.1
<b>II</b>	<b>Nguồn cân đối sự nghiệp kinh tế</b>	<b>883.631</b>	
<b>1</b>	<b>Ban QLDA XDCB &amp; HTBT di dân TĐC</b>	<b>883.631</b>	
	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Tân Uyên	350.000	Công trình KCM
	Sửa chữa trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện	350.000	Công trình KCM

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Sửa chữa, mở rộng hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí thị trấn và công chào huyện Tân Uyên	93.884	Công trình quyết toán
	Xử lý sụt sạt do ảnh hưởng mưa lũ năm 2021 trên địa bàn xã Nậm Cắn, Nậm Sỏ, Trung Đông, huyện Tân Uyên	89.747	
<b>III</b>	<b>Nguồn bổ sung mục tiêu sự nghiệp kinh tế</b>	-	
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ huyện Tân Uyên để hoàn thiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ</b>	-	
<b>1.1</b>	<b>Ban QLDA XDCB &amp; HTBT di dân TĐC</b>	-	
	Xây dựng đường liên bản xã Hố Mít, huyện Tân Uyên	(95)	Công trình hoàn thành
	Chỉnh trang đô thị gắn với sắp xếp dân cư tại Tổ dân phố 26 (bản Nà Giàng cũ), thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	(783.337)	Công trình hoàn thành
	Sửa chữa CNSH cụm trung tâm xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên	671.432	Công trình quyết toán
	Xử lý sụt sạt tuyến đường từ trung tâm xã đi bản Mít Nội, xã Hố Mít, huyện Tân Uyên	112.000	Công trình hoàn thành
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở, mua sắm trang thiết bị cho bộ phận một cửa cấp huyện, xã...</b>	-	
<b>2.1</b>	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng</b>	<b>(88.570)</b>	
	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đô thị huyện Tân Uyên	(88.570)	Công trình quyết toán
<b>2.2</b>	<b>Ban QLDA XDCB &amp; HTBT di dân TĐC</b>	<b>88.570</b>	
	Sửa chữa, mở rộng hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí thị trấn và công chào huyện Tân Uyên	88.570	Công trình quyết toán
<b>2.3</b>	<b>Thị trấn Tân Uyên</b>	-	
	Lắp biển báo tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Tân Uyên	(291.000)	
	Sửa chữa, nâng cấp, vận hành, lắp mới hệ thống Camera an ninh trên địa bàn thị trấn Tân Uyên	291.000	
<b>3</b>	<b>Điều chỉnh kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023</b>	-	Chi tiết phụ lục số 01.2: Điều chỉnh dự toán giữa các xã do thay đổi diện tích hỗ trợ theo Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 03/8/2023
<b>IV</b>	<b>Nguồn quản lý hành chính</b>	-	
<b>1</b>	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng</b>	<b>(41.000)</b>	
	Kinh phí duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO	(5.000)	
	Kinh phí hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ huyện	(50.000)	
	Kinh phí theo biên chế	14.000	Bổ sung quỹ lương
<b>2</b>	<b>Liên đoàn lao động huyện</b>	<b>25.000</b>	
	Bổ sung hỗ trợ tổ chức Đại hội Đại biểu Công đoàn huyện Tân Uyên lần thứ VI, nhiệm kỳ 2023-2028	25.000	
<b>3</b>	<b>Dư ngân sách huyện</b>	<b>16.000</b>	
<b>V</b>	<b>Nguồn sự nghiệp giáo dục</b>	<b>38.000</b>	

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Trường PTDTBT Tiểu học xã Hồ Mít</b>	<b>38.000</b>	
	KP thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ	38.000	
<b>2</b>	<b>Trường Mầm non xã Tà Mít</b>	-	
	Hỗ trợ mua nguyên vật liệu sửa chữa điểm trường Nà Ui	(95.000)	Do được nhận tài trợ xây dựng điểm trường từ Đảng ủy, UBND phường La Khê, Ban quản lý di tích lịch sử Đình chùa Bia Bà La Khê quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội (Công văn số 1878/UBND-GĐĐT ngày 31/7/2023; số 2011/UBND-GĐĐT ngày 11/8/2023)
	Hỗ trợ sửa chữa các điểm trường Khăn Nọi, Tho Ló	95.000	
<b>VI</b>	<b>Nguồn dự phòng ngân sách huyện</b>	<b>2.282.000</b>	
<b>1</b>	<b>Phòng Nội vụ</b>	<b>168.000</b>	
	Kinh phí tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Tân Uyên năm 2023 theo Kế hoạch số 1520/KH-UBND ngày 23/6/2023 của UBND huyện	110.000	
	Kinh phí tuyển dụng công chức Chỉ huy Trường Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2023 theo Kế hoạch số 1519/KH-UBND ngày 23/6/2023 của UBND huyện	18.000	
	Kinh phí tham dự hội thi “Tìm hiểu về cải cách hành chính nhà nước tỉnh Lai Châu” năm 2023 theo Kế hoạch số 1650/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND huyện	40.000	
<b>2</b>	<b>Ban chỉ huy quân sự huyện</b>	<b>1.500.000</b>	
	Kinh phí diễn tập phòng thủ cấp huyện năm 2023	1.500.000	Đã bố trí 2.800trđ
<b>3</b>	<b>Công an huyện</b>	<b>400.000</b>	
	Kinh phí diễn tập phòng thủ cấp huyện năm 2023	400.000	Đã bố trí 300trđ
<b>4</b>	<b>Liên đoàn lao động huyện</b>	<b>14.000</b>	
	Kinh phí thực hiện phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa giai đoạn 2023-2027 năm 2023	14.000	
<b>5</b>	<b>Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông</b>	<b>200.000</b>	
	Kinh phí tổ chức giải "Đua Mô tô địa hình tỉnh Lai Châu lần thứ nhất năm 2023" tại huyện Tân Uyên	200.000	Thông báo số 412/TB-BCSD ngày 18/8/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 17/8/2023 trong đó nhất trí Huyện Tân Uyên đăng cai tổ chức
<b>D</b>	<b>NGUỒN DƯ DỰ TOÁN NĂM 2022 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2023</b>	<b>1.006.524</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn cân đối ngân sách huyện</b>	<b>470.524</b>	
<b>1</b>	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng</b>	<b>170.524</b>	
	Kinh phí vận hành điện chiếu sáng khu trung tâm hành chính huyện (năm 2022)	13.067	
	KP cấm biển báo giới hạn tải trọng đối với các tuyến đường do huyện Tân Uyên quản lý (năm 2022)	120.189	

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí khơi thông rãnh thoát nước dọc đường giao thông bản Chom Chăng, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên	37.268	
<b>2</b>	<b>Thị trấn Tân Uyên</b>	<b>150.000</b>	Bổ sung mục tiêu cho NS xã
	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng công trình cấp nước sinh hoạt bản Tân Muôn, thị trấn Tân Uyên	150.000	
<b>3</b>	<b>Xã Trung Đồng</b>	<b>150.000</b>	Bổ sung mục tiêu cho NS xã
	Kinh phí sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt bản tái định cư Pá Ngùa, xã Trung Đồng	150.000	
<b>II</b>	<b>Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2022 (sau khi đã dành nguồn thực hiện CCTL năm 2023)</b>	<b>536.000</b>	<b>Chi tiết theo PL 01.1</b>
<b>1</b>	<b>Xã Nậm Sô</b>	<b>186.000</b>	<b>Bổ sung mục tiêu cho NS xã: Vốn đầu tư</b>
	Nhà văn hoá bản Ui Đạo, xã Nậm Sô	186.000	Điều chỉnh nguồn kinh phí
<b>2</b>	<b>Xã Nậm Cản</b>	<b>350.000</b>	<b>Bổ sung mục tiêu cho NS xã: Vốn đầu tư</b>
	Xây dựng bến thuyền và bãi đỗ xe xã Nậm Cản	350.000	Bãi đỗ xe thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 01/7/2021 của BCH Đảng bộ huyện về xây dựng xã, bản NTM nâng cao gắn với phát triển du lịch
<b>E</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH XÃ NỘP TRẢ NĂM 2023</b>	<b>446.400</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn cân đối ngân sách</b>	<b>446.400</b>	
<b>1</b>	<b>Bổ sung mục tiêu cho ngân sách xã</b>	<b>345.600</b>	
1.1	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị văn phòng	345.600	Máy vi tính (để bàn hoặc xách tay)
	Xã Thân Thuộc	43.200	3 bộ
	Xã Trung Đồng	28.800	2 bộ
	Xã Pắc Ta	43.200	3 bộ
	Xã Hố Mít	43.200	3 bộ
	Xã Mường Khoa	72.000	5 bộ
	Xã Nậm Cản	43.200	3 bộ
	Xã Nậm Sô	28.800	2 bộ
	Xã Tà Mít	43.200	3 bộ
<b>2</b>	<b>Ủy ban Mặt trận tổ quốc</b>	<b>19.200</b>	
	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị văn phòng	19.200	Thay thế 01 bộ máy vi tính, 01 chiếc máy in hết giá trị hao mòn không còn sử dụng được đơn vị đã đề nghị thanh lý
<b>3</b>	<b>Trung tâm chính trị</b>	<b>81.600</b>	
	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị văn phòng	41.800	Thay thế 02 bộ máy vi tính, 01 máy scan hết giá trị hao mòn không còn sử dụng được đơn vị đã đề nghị thanh lý
	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng	39.800	Thay thế 01 bộ máy vi tính, 01 bộ máy chiếu hết giá trị hao mòn không còn sử dụng được đơn vị đã đề nghị thanh lý

**PHỤ LỤC SỐ 01.1**

**PHÂN BỐ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của HĐND huyện Tân Uyên)*

*Đơn vị: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN		Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>Tổng số</b>				<b>11.478.278</b>	<b>10.198.278</b>	<b>3.710.000</b>	<b>1.924.000</b>	<b>1.786.000</b>		
<b>I</b>	<b>Thu sử dụng đất</b>				<b>8.328.278</b>	<b>8.328.278</b>	<b>1.924.000</b>	<b>1.924.000</b>	<b>-</b>		
<b>I.1</b>	Thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; Quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết				<b>1.648.278</b>	<b>1.648.278</b>	<b>300.000</b>	<b>300.000</b>	<b>-</b>		
*	<i>Dự án triển khai thực hiện năm 2023</i>				<i>1.648.278</i>	<i>1.648.278</i>	<i>300.000</i>	<i>300.000</i>	<i>-</i>		
1	Quy hoạch chi tiết các khu dân cư Tô dân phố 2 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2023-2024	1541/31.7.23	761.454	761.454	150.000	150.000		Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
2	Quy hoạch chi tiết các khu dân cư Tô dân phố 26 thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2023-2024	1540/31.7.23	886.824	886.824	150.000	150.000			
<b>I.2</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>				<b>6.680.000</b>	<b>6.680.000</b>	<b>1.624.000</b>	<b>1.624.000</b>	<b>-</b>		
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>				<i>6.680.000</i>	<i>6.680.000</i>	<i>1.624.000</i>	<i>1.624.000</i>	<i>-</i>		
3	Mở rộng nhà xe khu Trung tâm hành chính huyện Tân Uyên	TT Tân Uyên	2023-2024	1526/28.7.23	3.680.000	3.680.000	412.000	412.000		Ban QLDA XDCB và HTBT DD TĐC huyện	
4	Xây dựng tuyến phố văn minh thị trấn Tân Uyên	TT Tân Uyên	2023-2024	1528/28.7.23	3.000.000	3.000.000	1.212.000	1.212.000			
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025</b>				<b>300.000</b>	<b>285.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>II.1</b>	<b>Dự án 06 - Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>				<b>300.000</b>	<b>285.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Nhà văn hoá bán Hua Ít, xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2023-2024		300.000	285.000	186.000		186.000	UBND xã Nậm Sỏ	Điều chỉnh danh mục dự án đảm bảo theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND huyện
2	Nhà văn hoá bán Ui Đạo, xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2023-2024	14//06.3.23			(186.000)		(186.000)	UBND xã Nậm Sỏ	
<b>III</b>	<b>Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2022 (sau khi đã dành nguồn thực hiện CCTL năm 2023)</b>				<b>1.600.000</b>	<b>1.585.000</b>	<b>536.000</b>	<b>-</b>	<b>536.000</b>		
1	Nhà văn hoá bán Ui Đạo, xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2023-2024	14/06.3.23	300.000	285.000	186.000		186.000	UBND xã Nậm Sỏ	
2	Xây dựng bến thuyền và bãi đỗ xe xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	2023-2024	125/12.9.23	1.300.000	1.300.000	350.000		350.000	UBND xã Nậm Cắn	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số	Trong đó: Phần vốn NSNN		Ngân sách huyện			Ngân sách xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
IV	Vốn đầu tư thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu từ nguồn thu sử dụng đất năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023				1.250.000		1.250.000		1.250.000		Phân bổ theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt Đề án xây dựng NTM gắn mới du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025
1	Sửa chữa, nâng cấp đường vùng chè Nà Lại - Nà Khoang	Xã Phúc Khoa			1.000.000		1.000.000		1.000.000	UBND xã Phúc Khoa	
2	Đường vùng chè SX bản Phúc Khoa - Nậm Bon	Xã Phúc Khoa			250.000		250.000		250.000	UBND xã Phúc Khoa	

**PHỤ LỤC SỐ 01.2**

**Điều chỉnh kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023**

*(Kèm theo Nghị quyết số 11 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của HĐND huyện Tân Uyên)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Tên đơn vị	Diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Lai Châu (ha)															Kinh phí theo định mức (Quyết định 890/QĐ-UBND ngày 21/7/2022)	Kinh phí theo định mức (Quyết định 2161/QĐ-UBND ngày 03/8/2023)	Số tiền đã giao tại QĐ số 2188/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	Số tiền sau điều chỉnh bổ sung	Chênh lệch	Ghi chú
		Vụ chiêm			Vụ mùa			Màu			Thủy sản			Tổng cộng								
		QĐ số 890	QĐ số 2161	Chênh lệch	QĐ số 890	QĐ số 2161	Chênh lệch	QĐ số 890	QĐ số 2161	Chênh lệch	QĐ số 890	QĐ số 2161	Chênh lệch	QĐ số 890	QĐ số 2161	Chênh lệch						
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	7	8	9=8-7	10	11	12=11-10	13=1+4+7+10	14=2+5+8+11	15=14-13	16	17	18	19	20=18-19	C
1	Thị trấn Tân Uyên	184,00	184,00	-	254,5	254,5	-	37,7	37,7	-	15,2	15,2	-	491,4	491,4	-	613	613	571,00	<b>556,00</b>	(15,00)	Cấp bằng lệnh chi tiền cho các xã, thị trấn
2	Xã Pắc Ta	157,10	203,90	46,8	223,9	259,5	35,6	9,9	8,6	(1,3)	5,6	11,8	6,2	396,5	483,8	87,3	502	621	467,00	<b>563,00</b>	96,00	
3	Xã Thân Thuộc	104,00	104,00	-	135,0	135,0	-	2,9	2,9	-	4,6	4,6	-	246,5	246,5	-	316	316	294,00	<b>286,00</b>	(8,00)	
4	Xã Trung Đồng	110,40	110,40	-	227,3	227,3	-	5,8	5,8	-	7,7	7,7	-	351,2	351,2	-	450	450	419,00	<b>408,00</b>	(11,00)	
5	Xã Phúc Khoa	78,90	78,90	-	80,8	80,8	-	18,5	18,5	-	5,6	5,6	-	183,8	183,8	-	226	226	210,00	<b>205,00</b>	(5,00)	
6	Xã Mường Khoa	230,00	230,00	-	359,0	359,0	-	25,6	25,6	-	12,6	12,6	-	627,2	627,2	-	791	791	737,00	<b>717,00</b>	(20,00)	
7	Xã Nậm Sỏ	101,50	101,50	-	401,0	401,0	-	9,0	9,0	-	11,2	11,2	-	522,7	522,7	-	669	669	623,00	<b>607,00</b>	(16,00)	
8	Xã Nậm Cắn	104,00	104,00	-	198,3	198,3	-	40,6	40,6	-	9,8	9,8	-	352,7	352,7	-	428	428	399,00	<b>388,00</b>	(11,00)	
9	Xã Hố Mít	45,00	45,00	-	249,0	249,0	-	30,0	30,0	-	2,0	2,0	-	326,0	326,0	-	393	393	366,00	<b>356,00</b>	(10,00)	
<b>Tổng</b>		<b>1.114,9</b>	<b>1.161,7</b>	<b>46,8</b>	<b>2.128,8</b>	<b>2.164,4</b>	<b>35,6</b>	<b>180,0</b>	<b>178,7</b>	<b>(1,3)</b>	<b>74,3</b>	<b>80,5</b>	<b>6,2</b>	<b>3.498,0</b>	<b>3.585,3</b>	<b>87,3</b>	<b>4.388</b>	<b>4.507</b>	<b>4.086,00</b>	<b>4.086,00</b>	-	

Ghi chú: Nguyên tắc phân bổ theo tỷ lệ tổng dự toán được giao/tổng kinh phí theo định mức